

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng

## **0.b. Target**

Mục tiêu 11.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xóa bỏ các khu ổ chuột, xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng (Mục tiêu 11.1 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 11.1.1. Tỷ lệ dân số sống trong các nhà tạm

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Tổng cục Thống kê

## **1.f. Contact mail**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

## **1.g. Contact email**

banbientap@gso.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

Những người sống trong các nhà tạm là người sống trong hộ gia đình thiếu một trong số các thuộc tính sau:

- Thiếu tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh;
- Thiếu tiếp cận với hố xí hợp vệ sinh;
- Thiếu diện tích sinh hoạt;
- Thiếu độ bền nhà ở;
- Thiếu bảo đảm về quyền sở hữu.

### 3.a. Data sources

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

### 3.b. Data collection method

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016. Đây là cuộc điều tra chọn mẫu, trong đó:

- Mục đích điều tra: Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.

- Đối tượng, đơn vị điều tra

+ Hộ dân cư;

+ Các thành viên trong hộ dân cư;

+ Các xã có hộ dân cư được khảo sát (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn).

Hộ là một hoặc một nhóm người ăn chung, ở chung trong một chỗ từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

- Nội dung điều tra

+ Đối với hộ

Thu thập thông tin về: Đặc trưng nhân khẩu học; giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn); việc làm; thu nhập; chi tiêu (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn); Tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn); Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn).

- Phương pháp thu thập thông tin: Cuộc KMSDC áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ.

- Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, điều tra viên không được gửi phiếu để chủ hộ hoặc các thành viên của hộ tự ghi chép hoặc sao chép các thông tin từ các nguồn dữ liệu có sẵn khác vào phiếu phỏng vấn.

- Các biện pháp giám sát chất lượng: Do tính chất phức tạp của cuộc khảo sát nên một số biện pháp kỹ thuật được sử dụng nhằm bảo đảm chất lượng số liệu khảo sát gồm:

+ Gọi điện thoại đến hộ để kiểm tra điều tra viên có đến hộ và phỏng vấn hộ trong bao lâu.

+ Phiếu phỏng vấn được thiết kế với phần lớn mã số đánh sẵn nhằm giảm thời gian đánh mã lại sau khi thu thập số liệu và giảm sai sót.

+ Công việc của 3 điều tra viên được 1 đội trưởng và giám sát viên kiểm tra chặt chẽ.

+ Phức tra 10% số hộ khảo sát sau mỗi kỳ khảo sát.

+ Phiếu phỏng vấn được thiết kế tương đối chi tiết để tránh khai thác sót thông tin. Phiếu phỏng vấn được thiết kế để điều tra viên có chỗ ghi thông tin ngay vào phiếu, không phải mở sổ ghi chép trung gian. Phiếu phỏng vấn hộ, phần ghi thông tin in cách 3 dòng lại có dòng kẻ đúp để giúp điều tra viên tránh ghi nhầm dòng.

### **3.c. Data collection calendar**

- Thời kỳ, thời điểm điều tra: Năm có tận cùng số chẵn điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9 và 12).

### **3.d. Data release calendar**

2 năm.

### **4.a. Rationale**

Chỉ tiêu phản ánh tình trạng dân số phải sống trong các nhà tạm. Chỉ tiêu là căn cứ đánh giá mức sống một cách toàn diện, đồng thời giúp các cấp, các ngành có cơ sở lập kế hoạch phát triển quỹ nhà ở để phục vụ nhu cầu các tầng lớp nhân dân.

### **4.c. Method of computation**

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số sống trong các nhà tạm (\%)} = \frac{\text{Dân số sống trong các nhà tạm}}{\text{Tổng dân số}} \times 100$$

## **5. Data availability and disaggregation**

- Số liệu có sẵn 2 năm/lần từ 2010-2018
- Số liệu có sẵn cho phân tổ thành thị/nông thôn; vùng và nhóm thu nhập

(Nguồn công bố: Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam)

## **6. Comparability/deviation from international standards**

Chỉ tiêu này tương ứng chỉ tiêu SDG toàn cầu “**11.1.1**: Proportion of urban population living in slums, informal settlements or inadequate housing”.

Việt Nam không áp dụng các khái niệm theo toàn cầu về nhà ổ chuột, những khu định cư trái phép hoặc nhà không đầy đủ mà thay thế bằng khái niệm nhà tạm gồm: Thiếu tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh; Thiếu tiếp cận với hố xí hợp vệ sinh; Thiếu diện tích sinh hoạt; Thiếu độ bền nhà ở; Thiếu bảo đảm về quyền sở hữu.

So sánh chỉ tiêu quốc tế và Việt Nam còn có một số khác biệt như sau:

|                              | <b>Chỉ tiêu quốc tế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Chỉ tiêu Việt Nam</b>                                                                                                                          |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phạm vi tính chỉ tiêu</b> | Đô thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cả nước (Có phân tổ theo thành thị/nông thôn)                                                                                                     |
| <b>Phân tổ</b>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí (nội thị)</li> <li>- Nhóm thu nhập</li> <li>- Giới tính,</li> <li>- Dân tộc</li> <li>- Tôn giáo</li> <li>- Tình trạng di cư (chủ gia đình)</li> <li>- Tuổi (thành viên hộ gia đình)</li> <li>- Tình trạng khuyết tật (thành viên hộ gia đình).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính;</li> <li>- Nhóm tuổi;</li> <li>- Người khuyết tật;</li> <li>- Thành thị/nông thôn.</li> </ul> |
| <b>Nguồn số liệu</b>         | Điều tra dân số và điều tra hộ gia đình quốc gia, bao gồm cả DHS và MICS                                                                                                                                                                                                                                  | Điều tra hộ gia đình (Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam)                                                                                          |

## 7. References and Documentation

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>